

Số: 533/2020/QĐST-HNGĐ

*Huyện T, ngày 27 tháng 11 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ H**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 820/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1986; Hộ khẩu thường trú: Số nhà S, tổ dân phố B, thị trấn N, huyện T, thành phố H; Nơi cư trú hiện nay: Số nhà T, tổ dân phố B, thị trấn N, huyện T, thành phố H.

Anh Lê Văn B, sinh năm 1989; Hộ khẩu thường trú: Số nhà S, tổ dân phố B, thị trấn N, huyện T, thành phố H; Nơi cư trú hiện nay: Số nhà T, tổ dân phố B, thị trấn N, huyện T, thành phố H.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19 tháng 11 năm 2020, các đương sự đã thống nhất thuận tình ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

[2]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Lê Văn B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Lê Văn B thống nhất có hai con chung tên là Lê Thị N sinh ngày 09/02/2012 và Lê Ngọc A sinh ngày 15/3/2014. Chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi hai con chung cho đến khi từng con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Lê Văn B thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Lê Văn B thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị M nhận nộp lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002491 ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố H. Chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- VKSND huyện T, thành phố H;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã G, huyện T, thành phố H,  
(Giấy CNKH số 52 ngày 05/11/2012);
- Lưu: VT, hồ sơ việc dân sự.

### **THẨM PHÁN**

**Nguyễn Nam Ninh**